BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG CAO ĐẲNG SƯ PHẠM QUẢNG TRỊ

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN SINH

STT	Mã ngành	Tên ngành	Đợt	Họ tên	Số báo danh	Nguyện vọng	Xếp hạng	Tổ hợp xét	Tổ hợp gốc	Môn 1	Điểm môn 1	Môn 1 hệ số	Môn 2	Điểm môn 2	Môn 2 hệ số	Môn 3	Điểm môn 3	Môn 3 hệ số	Điểm ưu tiên	Điểm ưu tiên quy đổi	Điểm KK quy đổi	Tổng điểm
1	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ THÚY KIỀU	DHU010037	1	1	TVNK1	TVNK1	TO	5.75	1	VA	6.5	1	NK1	6.63	1	0.5	0	0	18.88
2	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ TÚ NHI	DHU015806	1	2	TVNK1	TVNK1	TO	6.25	1	VA	5	1	NK1	7.13	1	0.5	0	0	18.38
3	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	DHU023180	1	3	TVNK1	TVNK1	TO	5.25	1	VA	5.75	1	NK1	6.88	1	1	0	0	17.88
4	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	DHU011371	2	4	TVNK1	TVNK1	TO	5.25	1	VA	4.75	1	NK1	7.5	1	1	0	0	17.5
5	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGÔ THỊ HẢI YẾN	DHU027691	1	5	TVNK1	TVNK1	TO	4	1	VA	5.25	1	NK1	6.88	1	1	0	0	16.13
6	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ THẢO	DHU021314	1	6	TVNK1	TVNK1	TO	2.75	1	VA	5.5	1	NK1	7.63	1	1.5	0	0	15.88
7	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRẦN THỊ NGỌC HUYỀN	DHU008884	1	7	TVNK1	TVNK1	TO	4.25	1	VA	5.5	1	NK1	6	1	1	0	0	15.75
8	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	DHU011344	1	8	TVNK1	TVNK1	TO	3.25	1	VA	5.25	1	NK1	7	1	1	0	0	15.5
9	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	DHU012359	1	8	TVNK1	TVNK1	TO	3.5	1	VA	4.5	1	NK1	7.5	1	1	0	0	15.5
10	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	DHU021289	1	10	TVNK1	TVNK1	TO	1.5	1	VA	6.25	1	NK1	7.63	1	1	0	0	15.38
11	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ HỒNG ĐÀO	DHU003653	1	11	TVNK1	TVNK1	TO	3.5	1	VA	4	1	NK1	7.63	1	1	0	0	15.13
12	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ HUYỀN	DHU008720	1	12	TVNK1	TVNK1	TO	1.5	1	VA	7	1	NK1	5.88	1	1.5	0	0	14.38
13	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	ĐOÀN THỊ VY HUYỀN	DHU008579	1	13	TVNK1	TVNK1	TO	2	1	VA	6	1	NK1	6.25	1	0.5	0	0	14.25
14	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	DƯƠNG THỊ NHƯ	DHU016481	1	14	TVNK1	TVNK1	TO	1.25	1	VA	6	1	NK1	6.88	1	1	0	0	14.13
15	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	PHAN THỊ MỸ THƯƠNG	DHU023363	1	15	TVNK1	TVNK1	TO	3	1	VA	4.25	1	NK1	6.75	1	1.5	0	0	14
16	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	HOÀNG THỊ NHƯ NGỌC	DHU014427	1	16	TVNK1	TVNK1	TO	2.5	1	VA	5	1	NK1	6.38	1	1	0	0	13.88
17	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	ĐOÀN THỊ THÙY DIỆU	DHU002713	1	17	TVNK1	TVNK1	TO	1.5	1	VA	5.5	1	NK1	6.75	1	1.5	0	0	13.75
18	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	HỒ THỊ THÀNH	DHU020761	1	18	TVNK1	TVNK1	TO	2.5	1	VA	4.25	1	NK1	6.75	1	1.5	0	0	13.5
19	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	VÕ THỊ KIM NHỐ	DHU016099	1	19	TVNK1	TVNK1	TO	1	1	VA	4.5	1	NK1	7.88	1	0.5	0	0	13.38
20	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRẦN THỊ ÁNH	DHU001046	1	20	TVNK1	TVNK1	TO	1.75	1	VA	3.75	1	NK1	7.5	1	1.5	0	0	13
21	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	HỒ THỊ DIỆP	DHU002683	1	21	TVNK1	TVNK1	TO	2.5	1	VA	2.75	1	NK1	7	1	1.5	0	0	12.25
22	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	HỒ THỊ THẮM	DHU021543	1	22	TVNK1	TVNK1	TO	1.75	1	VA	3	1	NK1	7.38	1	1.5	0	0	12.13
23	C140201	Giáo dục Mầm non	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	DHU008753	1	23	TVNK1	TVNK1	TO	1.25	1	VA	3.25	1	NK1	7	1	1.5	0	0	11.5
24	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ ĐÀO NHI	DHU015620	1	1	TVSI	TVA	TO	6.5	1	VA	5.5	1	SI	4.5	1	0.5	0	0	16.5
25	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ LINH CHI	DHU001913	1	2	TVA	TVA	TO	6.5	1	VA	6.25	1	N1	3.25	1	1	0	0	16
26	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	HỒ THỊ KHÁNH HUYỀN	DHU008590	1	3	TVA	TVA	TO	6.5	1	VA	6.5	1	N1	2.75	1	0.5	0	0	15.75
27	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRƯƠNG THỊ MỸ LINH	DHU011632	2	4	TVA	TVA	TO	5.25	1	VA	5	1	N1	4.75	1	1.5	0	0	15
28	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	DHU014927	2	4	TVA	TVA	TO	6	1	VA	5.5	1	N1	3.5	1	1	0	0	15
29	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ THU HÀ	DHU004872	1	6	TVSI	TVA	TO	5	1	VA	5.25	1	SI	4.5	1	1	0	0	14.75
30	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	DHU011371	1	6	TVSI	TVA	TO	5.25	1	VA	4.75	1	SI	4.75	1	1	0	0	14.75
31	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ MINH THƯ	DHU023180	2	8	TVA	TVA	TO	5.25	1	VA	5.75	1	N1	3	1	1	0	0	14
32	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ THUỲ DƯƠNG	DHU003433	1	9	TVA	TVA	TO	5	1	VA	6	1	N1	2.75	1	1.5	0	0	13.75
33	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	TẠ THỊ MỸ HẠNH	DHU005546	1	10	TVA	TVA	TO	1.5	1	VA	7	1	N1	4	1	1	0	0	12.5
34	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	DHU008872	1	11	TVA	TVA	TO	4	1	VA	5	1	N1	3.25	1	0.5	0	0	12.25
35	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ VĂN KHƯƠNG	DHU009944	1	11	TVA	TVA	TO	3.25	1	VA	5.75	1	N1	3.25	1	1.5	0	0	12.25
36	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRẦN THỊ TUYẾT LÊ	DHU010583	1	11	TVA	TVA	TO	4.5	1	VA	5	1	N1	2.75	1	0.5	0	0	12.25
37	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ TÚ NHI	DHU015807	1	11	TVA	TVA	TO	2	1	VA	6	1	N1	4.25	1	1	0	0	12.25
38	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	DHU000623	1	15	TVA	TVA	TO	3.75	1	VA	5.5	1	N1	2.75	1	1	0	0	12
39	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ NGỌC HUYỀN	DHU008755	1	15	TVSI	TVA	TO	2.5	1	VA	6	1	SI	3.5	1	1.5	0	0	12
40	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	HÀ THƯƠNG THƯƠNG	DHU023265	1	15	TVSI	TVA	TO	3.5	1	VA	5.25	1	SI	3.25	1	1	0	0	12
41	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ LINH	DHU011101	4	18	TVA	TVA	TO	2.25	1	VA	5.25	1	N1	4.25	1	1	0	0	11.75
42	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	DHU026540	1	18	TVA	TVA	TO	2.75	1	VA	6	1	N1	3	1	1	0	0	11.75
43	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	ĐOÀN THỊ VY HUYỀN	DHU008579	2	20	TVA	TVA	TO	2	1	VA	6	1	N1	3.5	1	0.5	0	0	11.5
44	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ MINH HẰNG	DHU005786	2	21	TVA	TVA	TO	3.5	1	VA	5.25	1	N1	2.5	1	1.5	0	0	11.25
45	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRƯƠNG THÚY LINH	DHU011652	1	22	TVA	TVA	TO	3.5	1	VA	5.25	1	N1	2.25	1	1.5	0	0	11
46	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ NHƯ	DHU016596	1	22	TVA	TVA	TO	3	1	VA	5.5	1	N1	2.5	1	1.5	0	0	11
47	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ NGỌC PHƯỢNG	DHU017931	1	22	TVA	TVA	TO	4.75	1	VA	3.5	1	N1	2.75	1	1.5	0	0	11
48	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN NGỌC THU HIỀN	DHU006322	1	25	TVA	TVA	TO	2.25	1	VA	5	1	N1	3.5	1	1.5	0	0	10.75
49	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ LỆ THỦY	DHU022634	1	25	TVA	TVA	TO	2.25	1	VA	5	1	N1	3.5	1	1.5	0	0	10.75
50	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRẦN THỊ BÌNH	DHU001562	1	27	TVA	TVA	TO	1.75	1	VA	4.75	1	N1	3.5	1	1.5	0	0	10
51	C140202	Giáo dục Tiểu học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ DIỆU ÁNH	DHU000981	1	28	TVA	TVA	TO	2.5	1	VA	4.75	1	N1	2.25	1	1.5	0	0	9.5
52	C140210	Sư phạm Tin học	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRẦN THỊ LÝ	DHU012670	3	1	TLIHO	TLIHO	TO	4.75	1	LI	6	1	HO	5.75	1	0.5	0	0	16.5
53	C140211	Sư phạm Vật lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ KIM CÚC	DHU002267	1	1	TLIHO	TLIHO	TO	6.25	1	LI	6.75	1	HO	6.5	1	1.5	0	0	19.5
54	C140211	Sư phạm Vật lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRẦN THỊ LÝ	DHU012670	2	2	TLIHO	TLIHO	TO	4.75	1	LI	6	1	HO	5.75	1	0.5	0	0	16.5
55	C140211	Sư phạm Vật lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	HỒ VĂN VƯƠNG	DHU027261	1	3	TLIHO	TLIHO	TO	4.25	1	LI	6	1	HO	5.5	1	1.5	0	0	15.75
56	C140211	Sư phạm Vật lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	HOÀNG THỊ TIÊN NGỌC	DHU014429	1	4	TLIHO	TLIHO	TO	2.5	1	LI	4.5	1	HO	5.75	1	1	0	0	12.75
57	C140211	Sư phạm Vật lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	MAI THỊ BÍCH HẠNH	DHU005464	1	5	TLIHO	TLIHO	TO	3.25	1	LI	4.5	1	HO	4.75	1	1	0	0	12.5
58	C140212	Sư phạm Hóa học	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ THÙY NHUNG	DHU016247	1	1	THOSI	THOSI	TO	6.5	1	HO	6.5	1	SI	4	1	1.5	0	0	17
59	C140212	Sư phạm Hóa học	Tuyển sinh Nguyện vọng	ĐOÀN THỊ HOÀI VI	DHU026858	2	2	THOSI	THOSI	TO	2.5	1	HO	6.5	1	SI	5.25	1	1	0	0	14.25
60	C140212	Sư phạm Hóa học	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRẦN THỊ LÝ	DHU012670	1	3	THOA	THOSI	TO	4.75	1	HO	5.75	1	N1	3	1	0.5	0	0	13.5
61	C140212	Sư phạm Hóa học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ LUYẾN	DHU012292	1	4	THOSI	THOSI	TO	3.75	1	HO	3.25	1	SI	4.25	1	1.5	0	0	11.25
62	C140212	Sư phạm Hóa học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ HÀ	DHU004931	2	5	THOSI	THOSI	TO	2.5	1	HO	3.75	1	SI	4.5	1	1	0	0	10.75
63	C140212	Sư phạm Hóa học	Tuyển sinh Nguyện vọng	MAI THỊ BÍCH HẠNH	DHU005464	2	5	THOSI	THOSI	TO	3.25	1	HO	4.75	1	SI	2.75	1	1	0	0	10.75
64	C140213	Sư phạm Sinh học	Tuyển sinh Nguyện vọng	ĐOÀN THỊ HOÀI VI	DHU026858	1	1	THOSI	THOSI	TO	2.5	1	HO	6.5	1	SI	5.25	1	1	0	0	14.25
65	C140213	Sư phạm Sinh học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ ÁNH HỒNG	DHU007728	1	2	THOSI	THOSI	TO	3.25	1	HO	4.25	1	SI	4	1	1	0	0	11.5
66	C140213	Sư phạm Sinh học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ LUYẾN	DHU012292	2	3	THOSI	THOSI	TO	3.75	1	HO	3.25	1	SI	4.25	1	1.5	0	0	11.25
67	C140213	Sư phạm Sinh học	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ HÀ	DHU004931	1	4	THOSI	THOSI	TO	2.5	1	HO	3.75	1	SI	4.5	1	1	0	0	10.75
68	C140218	Sư phạm Lịch sử	Tuyển sinh Nguyện vọng	ĐOÀN THỊ TUYẾT NHI	DHU015534	1	1	VSD	VSD	VA	4.25	1	SU	2.5	1	DI	6	1	1	0	0	12.75
69	C140219	Sư phạm Địa lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	CAO THỊ THANH THÚY	DHU022685	1	1	VSD	VSD	VA	5.25	1	SU	5.5	1	DI	8.5	1	1.5	0	0	19.25
70	C140219	Sư phạm Địa lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THẢO	DHU021289	2	2	VDA	VSD	VA	6.25	1	DI	7.5	1	N1	2.5	1	1	0	0	16.25
71	C140219	Sư phạm Địa lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRẦN THỊ KHÁNH HUYỀN	DHU008872	2	3	VDA	VSD	VA	5	1	DI	7	1	N1	3.25	1	0.5	0	0	15.25
72	C140219	Sư phạm Địa lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	DHU014927	3	4	VDA	VSD	VA	5.5	1	DI	6	1	N1	3.5	1	1	0	0	15
73	C140219	Sư phạm Địa lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ MINH HẰNG	DHU005786	3	5	VDA	VSD	VA	5.25	1	DI	6	1	N1	2.5	1	1.5	0	0	13.75
74	C140219	Sư phạm Địa lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	ĐOÀN THỊ TUYẾT NHI	DHU015534	2	6	VSD	VSD	VA	4.25	1	SU	2.5	1	DI	6	1	1	0	0	12.75
75	C140219	Sư phạm Địa lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ MẬT	DHU012879	1	7	VSD	VSD	VA	5.25	1	SU	2.75	1	DI	4.5	1	1	0	0	12.5
76	C140219	Sư phạm Địa lý	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRẦN THỊ BÌNH	DHU001562	2	8	VSD	VSD	VA	4.75	1	SU	2	1	DI	4.5	1	1.5	0	0	11.25
77	C140231	Sư phạm Tiếng Anh	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRƯƠNG THỊ MỸ LINH	DHU011632	1	1	TVA	TVA	TO	5.25	1	VA	5	1	N1	4.75	1	1.5	0	0	15
78	C140231	Sư phạm Tiếng Anh	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ ÁNH NGUYỆT	DHU014927	1	1	TVA	TVA	TO	6	1	VA	5.5	1	N1	3.5	1	1	0	0	15
79	C140231	Sư phạm Tiếng Anh	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ THUỲ DƯƠNG	DHU003433	2	3	TVA	TVA	TO	5	1	VA	6	1	N1	2.75	1	1.5	0	0	13.75
80	C140231	Sư phạm Tiếng Anh	Tuyển sinh Nguyện vọng	TẠ THỊ MỸ HẠNH	DHU005546	2	4	TVA	TVA	TO	1.5	1	VA	7	1	N1	4	1	1	0	0	12.5
81	C140231	Sư phạm Tiếng Anh	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ VĂN KHƯƠNG	DHU009944	2	5	TVA	TVA	TO	3.25	1	VA	5.75	1	N1	3.25	1	1.5	0	0	12.25
82	C140231	Sư phạm Tiếng Anh	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	DHU000623	2	6	TVA	TVA	TO	3.75	1	VA	5.5	1	N1	2.75	1	1	0	0	12
83	C140231	Sư phạm Tiếng Anh	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ LINH	DHU011101	2	7	TVA	TVA	TO	2.25	1	VA	5.25	1	N1	4.25	1	1	0	0	11.75
84	C140231	Sư phạm Tiếng Anh	Tuyển sinh Nguyện vọng	HOÀNG THỊ DIỆU LINH	DHU011026	1	8	TVA	TVA	TO	2.75	1	VA	5	1	N1	3.25	1	1.5	0	0	11
85	C140231	Sư phạm Tiếng Anh	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRƯƠNG THÚY LINH	DHU011652	2	8	TVA	TVA	TO	3.5	1	VA	5.25	1	N1	2.25	1	1.5	0	0	11
86	C220113	Việt Nam học	Tuyển sinh Nguyện vọng	HỒ THỊ KHÁNH HUYỀN	DHU008590	4	1	TVA	TVA	TO	6.5	1	VA	6.5	1	N1	2.75	1	0.5	0	0	15.75
87	C220113	Việt Nam học	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ MINH HẰNG	DHU005786	1	2	TVD	TVA	TO	3.5	1	VA	5.25	1	DI	6	1	1.5	0	0	14.75
88	C220113	Việt Nam học	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ LINH	DHU011101	3	3	TVA	TVA	TO	2.25	1	VA	5.25	1	N1	4.25	1	1	0	0	11.75
89	C320202	Khoa học thư viện	Tuyển sinh Nguyện vọng	HỒ THỊ KHÁNH HUYỀN	DHU008590	2	1	TVA	TVA	TO	6.5	1	VA	6.5	1	N1	2.75	1	0.5	0	0	15.75
90	C320202	Khoa học thư viện	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ DIỆU ÁNH	DHU000981	3	2	TVD	TVA	TO	2.5	1	VA	4.75	1	DI	6	1	1.5	0	0	13.25
91	C320202	Khoa học thư viện	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ TÚ NHI	DHU015807	3	3	TVA	TVA	TO	2	1	VA	6	1	N1	4.25	1	1	0	0	12.25
92	C320202	Khoa học thư viện	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG UYÊN	DHU026540	2	4	TVA	TVA	TO	2.75	1	VA	6	1	N1	3	1	1	0	0	11.75
93	C320202	Khoa học thư viện	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRẦN THỊ BÌNH	DHU001562	3	5	TVD	TVA	TO	1.75	1	VA	4.75	1	DI	4.5	1	1.5	0	0	11
94	C320202	Khoa học thư viện	Tuyển sinh Nguyện vọng	TRƯƠNG THÚY LINH	DHU011652	3	5	TVA	TVA	TO	3.5	1	VA	5.25	1	N1	2.25	1	1.5	0	0	11
95	C340301	Kế toán	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ ĐÀO NHI	DHU015620	2	1	TVHO	TVA	TO	6.5	1	VA	5.5	1	HO	6.5	1	0.5	0	0	18.5
96	C340301	Kế toán	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ THẮM	DHU021567	1	2	TVLI	TVA	TO	4	1	VA	5.5	1	LI	5.75	1	0.5	0	0	15.25
97	C340301	Kế toán	Tuyển sinh Nguyện vọng	LÊ THỊ LINH	DHU011101	1	3	TVA	TVA	TO	2.25	1	VA	5.25	1	N1	4.25	1	1	0	0	11.75
98	C340406	Quản trị văn phòng	Tuyển sinh Nguyện vọng	HỒ THỊ KHÁNH HUYỀN	DHU008590	3	1	TVA	TVA	TO	6.5	1	VA	6.5	1	N1	2.75	1	0.5	0	0	15.75
99	C340406	Quản trị văn phòng	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ DIỆU ÁNH	DHU000981	2	2	TVD	TVA	TO	2.5	1	VA	4.75	1	DI	6	1	1.5	0	0	13.25
100	C340406	Quản trị văn phòng	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ TÚ NHI	DHU015807	2	3	TVA	TVA	TO	2	1	VA	6	1	N1	4.25	1	1	0	0	12.25
101	C340406	Quản trị văn phòng	Tuyển sinh Nguyện vọng	NGUYỄN THỊ NHƯ	DHU016596	2	4	TVA	TVA	TO	3	1	VA	5.5	1	N1	2.5	1	1.5	0	0	11